

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016
(CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	2 - 3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	7- 42

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") (trước đây là Công Ty Cổ Phần Xuyên Thái Bình) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244//2010/QD-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có Chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó chủ tịch	Từ ngày 05 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Đình Long	Thành viên	
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên	
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khải	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Hùng	Giám đốc Vận hành
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Tuấn Anh được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016

B01a-DN/HN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.990.808.255.652	2.046.187.331.398
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		841.799.945.244	729.091.664.588
111	1. Tiền	4	600.379.899.664	418.391.664.588
112	2. Các khoản tương đương tiền		241.420.045.580	310.700.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		59.935.881.175	4.567.703.097
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5	69.647.541.839	6.961.453.629
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán		(9.711.660.664)	(3.294.639.456)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	900.888.924
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		434.190.543.422	568.371.192.717
131	1. Phải thu khách hàng	6	333.622.082.747	482.010.977.838
132	2. Trả trước cho người bán	7	48.177.043.589	27.611.079.167
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		200.000.000	200.000.000
136	4. Các khoản phải thu khác	8	61.609.407.033	68.226.050.628
137	5. Dự phòng phải thu khó đòi	6	(9.925.299.655)	(10.183.946.479)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		507.309.708	507.031.563
140	IV. Hàng tồn kho		635.327.798.089	723.175.215.944
141	1. Hàng tồn kho	9	640.643.023.359	740.778.331.005
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.315.225.270)	(17.603.115.061)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19.554.087.722	20.981.555.052
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	7.760.743.138	7.517.502.053
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		11.558.200.367	13.195.970.056
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		235.144.217	268.082.943
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.618.596.553.683	1.647.186.687.262
210	I. Phải thu dài hạn		464.620.560	630.634.208
216	1. Phải thu dài hạn khác		464.620.560	630.634.208
220	II. Tài sản cố định		673.256.232.744	693.933.419.766
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	328.863.253.393	348.734.837.224
222	Nguyên giá		563.437.380.665	589.095.370.213
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(234.574.127.272)	(240.360.532.989)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	344.392.979.351	345.198.582.542
228	Nguyên giá		361.148.100.686	360.823.214.774
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(16.755.121.335)	(15.624.632.232)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	2.149.364.187	4.242.966.547
231	Nguyên giá		4.515.304.012	13.249.634.175
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.365.939.825)	(9.006.667.628)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		15.391.172.578	16.374.800.625
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	15.391.172.578	16.374.800.625
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		403.397.302.109	391.325.186.231
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15	388.125.537.722	375.821.716.116
253	2. Đầu tư khác vào công cụ vốn		15.333.640.000	15.333.640.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			169.830.115
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(61.875.613)	
260	VI. Tài sản dài hạn khác		523.937.861.505	540.679.679.885
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	61.489.129.835	64.427.692.212
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		4.160.192.089	4.622.507.146
269	3. Lợi thế thương mại		458.288.539.581	471.629.480.527
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.609.404.809.335	3.693.374.018.660

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 3 năm 2016

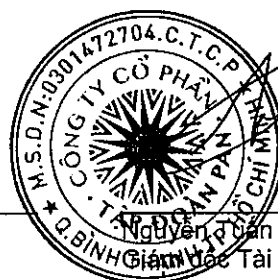
B01a-DN/HN

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		827.452.365.290	976.348.763.889
310	I. Nợ ngắn hạn		691.796.199.588	848.276.343.635
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	122.858.835.912	134.207.513.638
312	2. Người mua trả tiền trước		11.660.227.107	32.645.002.623
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	31.437.773.413	17.391.799.918
314	4. Phải trả người lao động		31.499.221.590	96.803.359.149
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		18.523.261.974	6.915.987.548
316	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		147.671.000	139.739.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	53.947.188.623	39.089.086.251
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	393.453.291.074	481.295.368.353
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		28.268.728.895	39.788.487.155
330	II. Nợ dài hạn		135.656.165.702	128.072.420.254
336	1. Phải trả dài hạn khác	20	2.104.541.095	2.392.090.395
337	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	67.431.900.200	57.888.237.200
339	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		57.307.216.175	57.352.404.927
340	4. Dự phòng phải trả dài hạn		8.812.508.232	10.439.687.732
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.781.952.444.045	2.717.025.254.771
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	2.781.952.444.045	2.717.025.254.771
411	1. Vốn cổ phần		1.008.724.970.000	1.008.724.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.021.203.143.351	1.021.203.143.351
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		45.847.426.830	47.708.067.259
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		133.932.187.234	36.789.665.713
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		36.789.665.713	106.515.665.505
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		97.142.521.521	(69.725.999.792)
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		572.244.716.630	602.599.408.448
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.609.404.809.335	3.693.374.018.660

Nguyễn Thị Nga
 Người lập biểu

Vũ Thị Lan Anh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan Anh
 Giám đốc Tài chính

Ngày 19 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

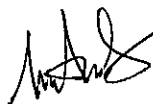
VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
			QUÝ 1/2016	QUÝ 1/2015	Năm 2016	Năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	656.591.548.977	399.986.293.104	656.591.548.977	399.986.293.104
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	26.541.371.427	18.780.550.365	26.541.371.427	18.780.550.365
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	630.050.177.550	381.205.742.739	630.050.177.550	381.205.742.739
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		491.296.409.009	273.673.547.823	491.296.409.009	273.673.547.823
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		138.753.768.541	107.532.194.916	138.753.768.541	107.532.194.916
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	130.651.128.029	13.508.707.079	130.651.128.029	13.508.707.079
22	7. Chi phí tài chính	24	30.249.153.118	9.602.596.414	30.249.153.118	9.602.596.414
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		5.317.012.805	989.429.632	5.317.012.805	989.429.632
24	8. Lãi từ công ty liên kết		7.002.720.964	3.627.123.664	7.002.720.964	3.627.123.664
25	9. Chi phí bán hàng		34.624.131.004	23.165.633.296	34.624.131.004	23.165.633.296
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		55.678.902.565	33.664.943.010	55.678.902.565	33.664.943.010
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		155.855.430.847	58.234.852.939	155.855.430.847	58.234.852.939
31	12. Thu nhập khác	25	13.379.186.440	1.542.167.460	13.379.186.440	1.542.167.460
32	13. Chi phí khác	25	7.036.307.759	93.309.569	7.036.307.759	93.309.569
40	14. Lợi nhuận khác		6.342.878.681	1.448.857.891	6.342.878.681	1.448.857.891
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		162.198.309.528	59.683.710.830	162.198.309.528	59.683.710.830
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	29.226.197.435	5.107.722.599	29.226.197.435	5.107.722.599
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		(45.188.752)	-	(45.188.752)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		133.017.300.845	54.575.988.231	133.017.300.845	54.575.988.231
	Trong đó:					
	18.1. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát		16.765.964.597	20.395.137.389	16.765.964.597	20.395.137.389
	18.2. Phần thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		116.251.336.248	34.180.850.842	116.251.336.248	34.180.850.842
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.4	1.152	438	1.152	438

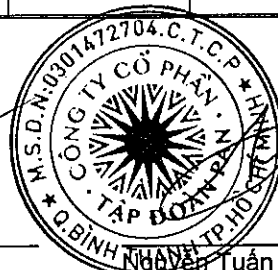


Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu

Ngày 19 tháng 4 năm 2016



Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		162.198.309.528	59.683.710.830
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao TSCĐ		24.666.046.800	9.860.941.558
03	Các khoản dự phòng		6.778.634.281	(4.168.279.798)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(189.222.102)	(81.344.036)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(140.183.108.541)	(8.289.373.334)
06	Chi phí lãi vay		5.317.012.805	988.230.268
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		58.587.672.771	57.993.885.488
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(4.620.194.134)	35.348.447.619
10	Giảm hàng tồn kho		82.664.285.897	87.024.519.883
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		332.986.691	(51.258.134.124)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.545.694.642)	2.668.322.319
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(63.395.391.668)	(21.320.902.358)
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.557.434.940)	(985.419.060)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.516.719.603)	(7.021.434.313)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		14.115.427.596	2.150.421.685
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(43.418.772.334)	(46.902.903.295)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		29.646.165.634	57.696.803.844
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.456.105.568)	(30.583.562.528)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		12.178.354.141	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(867.930.000.000)	(272.266.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		867.889.173.852	229.103.875.198
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(62.968.172.795)	(289.210.578.712)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		177.221.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		46.280.608.495	32.431.733.662
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		164.214.858.125	(330.524.532.380)

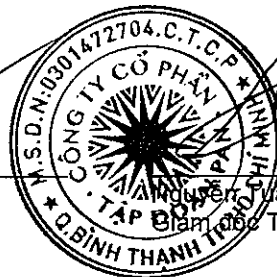
BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	849.564.156.500
33	Tiền thu từ đi vay		484.546.878.789	284.177.888.503
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(562.780.820.809)	(219.589.755.840)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông thiểu số		(2.957.221.400)	(29.279.403.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(81.191.163.420)	884.872.886.163
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		112.669.860.339	612.045.157.627
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		729.091.664.588	343.812.571.993
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		38.420.317	1.032.443.298
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		841.799.945.244	956.890.172.918

Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu

Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Anh
Biên độc Tài chính

Ngày 19 tháng 4 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDCKHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có Chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đề La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 là 2.254 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 6.900).

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13-10/2015/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 10 năm 2015, Công ty đã thông qua việc ký kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình và Công ty TNHH Liên Thái Bình cho Nihon Housing Company Limited (Nhật Bản). Vào ngày 9 tháng 3 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 80% phần góp vốn tại Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình và Công ty TNHH Liên Thái Bình. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại mỗi công ty trên giảm xuống còn 20%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, các công ty trên trở thành công ty liên kết của Công ty.

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 3 công ty con sở hữu trực tiếp và 7 công ty con sở hữu gián tiếp được trình bày như sau:

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
-------------	------------------	----------------------	---------	-----------------------

Công ty con sở hữu trực tiếp

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương (“NSC”)	75	75	Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông, lâm nghiệp; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại nông sản và vật tư nông nghiệp
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (“PAN FOOD”)	99,99	99,99	236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Nông nghiệp và thực phẩm
Công ty Cổ phần PAN-SaladBowl (“PAN SALADBOWL”)	99,75	99,75	Thôn Tân Lập, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh rau và hoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>
--------------------	-------------------------	-----------------------------	----------------	------------------------------

Công ty con sở hữu gián tiếp

Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Hà Tây	40,4	53,8	Ba La, Phường Phú Lâm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Nghiên cứu và sản xuất giống cây trồng
Công ty Cổ phần Giống Nông Lâm Nghiệp Quảng Nam	67,5	90	KM 943, Quốc lộ 1A, Xã Điện Thắng Bắc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Nghiên cứu và sản xuất giống cây trồng
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre ("ABT")	72,8	72,8	Xã Tân Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam	46,1	61,5	Số 282 Đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.	Tổng hợp các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và thương mại, dịch vụ.
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nam An	32,3	70	Huyện Diên Châu, Tỉnh Nghệ An	Mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản; cung cấp dịch vụ sấy, đóng gói, mua bán máy nông nghiệp; và sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm.
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam	38,6	83,7	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	80,5	80,5	Số 81B Quốc lộ 62, Phường 2, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam.	Đầu tư gia công, sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu và dịch vụ trong ngành hàng nông sản, thủy sản, lương thực, thực phẩm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VNĐ.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con. Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của các công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	10-49 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	3 – 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Bản quyền	5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Khác	5 - 8 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	9 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20 năm
Tài sản khác	6 - 15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm khi phát sinh.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại nếu có được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi khấu trừ lũy kế. Lợi thế thương mại nếu có được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa là 10 năm. Nếu chi phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại nếu có phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian tối đa là 10 năm. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của quỹ dự trữ được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ Quỹ đầu tư và phát triển
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi..

3.21 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; các khoản cho vay và phải thu; các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Công cụ tài chính – giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.22 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	5.449.472.383	6.977.809.651
Tiền gửi ngân hàng	594.930.427.281	411.413.854.937
Các khoản tương đương tiền (*)	241.420.045.580	306.700.000.000
Tiền đang chuyển	-	4.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>841.799.945.244</u>	<u>729.091.664.588</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hường lãi suất áp dụng.

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	-	900.888.924
Chứng khoán kinh doanh	69.647.541.839	6.961.453.629
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(9.711.660.664)	(3.294.639.456)
TỔNG CỘNG	<u>59.935.881.175</u>	<u>4.567.703.097</u>

6 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu từ các bên khác	282.958.073.192	434.084.847.259
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	50.664.009.555	47.926.130.579
TỔNG CỘNG	<u>333.622.082.747</u>	<u>482.010.977.838</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.296.797.052)	(9.555.443.876)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>324.325.285.695</u>	<u>472.455.533.962</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho các bên khác	47.526.091.712	27.004.529.167
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	<u>650.951.877</u>	<u>606.550.000</u>
TỔNG CỘNG	48.177.043.589	27.611.079.167
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(76.725.000)</u>	<u>(76.725.000)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>48.100.318.589</u>	<u>27.534.354.167</u>

8 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Phải thu từ bán chứng khoán kinh doanh	39.075.808	29.218.027.060
Cổ tức	13.000.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	25.202.498.803	18.743.400.990
Ký quỹ	2.857.552.000	3.082.696.000
Lãi tiền gửi dự thu	1.191.666.000	2.107.460.031
Khác	<u>19.318.614.422</u>	<u>15.074.466.547</u>
	61.609.407.033	68.226.050.628
Dài hạn		
Ký quỹ	<u>464.620.560</u>	<u>630.634.208</u>
TỔNG CỘNG	62.074.027.593	68.856.684.836
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(551.777.603)</u>	<u>(551.777.603)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>61.522.249.990</u>	<u>68.304.907.233</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên khác</i>	48.138.349.430	67.921.006.673
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<u>13.383.900.560</u>	<u>383.900.560</u>

9 HÀNG TỒN KHO

	VNĐ			
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	247.026.722.303	(5.315.225.270)	443.071.271.553	(17.603.115.061)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	104.591.539.843		138.531.369.448	
Nguyên vật liệu	257.232.731.343		69.845.420.736	-
Hàng hóa	27.440.355.391		66.013.235.059	-
Hàng gửi đi bán	414.097.518		18.043.775.416	-
Công cụ, dụng cụ	3.467.029.479		5.272.086.598	-
Hàng mua đang đi trên đường	<u>470.547.482</u>		<u>1.172.195</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>640.643.023.359</u>	<u>(5.315.225.270)</u>	<u>740.778.331.005</u>	<u>(17.603.115.061)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	6.803.814.704	5.438.920.051
Bảo hiểm	-	800.786.448
Khác	<u>956.928.434</u>	<u>1.277.795.554</u>
	<u>7.760.743.138</u>	<u>7.517.502.053</u>
Dài hạn		
Chi phí ngư trường nuôi cá	29.360.432.811	27.906.231.579
Tiền thuê đất trả trước	19.522.669.151	17.567.640.322
Công cụ, dụng cụ	994.117.250	4.840.564.509
Khác	<u>11.611.910.623</u>	<u>14.113.255.802</u>
	<u>61.489.129.835</u>	<u>64.427.692.212</u>
TỔNG CỘNG	<u>69.249.872.973</u>	<u>71.945.194.265</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	VNĐ
Nguyên giá						
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	288.496.733.881	236.103.131.162	57.145.290.948	7.350.214.222	589.095.370.213	
Đầu tư XDCB hoàn thành	592.984.282	-	-	-	592.984.282	
Mua sắm mới	-	1.001.224.354	-	177.243.800	1.178.468.154	
Thanh lý	-	(5.940.000.000)	-	-	(5.940.000.000)	
Giảm do chuyển nhượng vốn	(569.641.620)	(17.919.953.170)	(2.652.250.000)	(347.597.194)	(21.489.441.984)	
Ngày 31 tháng 3 năm 2016	288.520.076.543	213.244.402.346	54.493.040.948	7.179.860.828	563.437.380.665	
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	30.454.614.698	40.438.076.906	10.203.168.038	2.428.883.979	83.524.743.621	
Giá trị khấu hao lũy kế						
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	91.152.344.787	112.457.690.179	32.113.296.624	4.637.201.399	240.360.532.989	
Khấu hao trong kỳ	3.784.788.027	4.739.078.855	1.332.996.571	189.187.385	10.046.050.838	
Thanh lý	-	(1.089.000.022)	-	-	(1.089.000.022)	
Giảm do chuyển nhượng vốn	(427.437.292)	(12.268.783.566)	(1.651.113.402)	(396.122.273)	(14.743.456.533)	
Ngày 31 tháng 3 năm 2016	94.509.695.522	103.838.985.446	31.795.179.793	4.430.266.511	234.574.127.272	
Giá trị còn lại						
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	197.344.389.094	123.645.440.983	25.031.994.324	2.713.012.823	348.734.837.224	
Ngày 31 tháng 3 năm 2016	194.010.381.021	109.405.416.900	22.697.861.155	2.749.594.317	328.863.253.393	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bảng phát minh, sáng chế, bản quyền	Khác	Cộng	VNĐ
Nguyên giá						
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	346.722.218.574	2.204.544.712	11.761.600.000	134.851.488		360.823.214.774
Mua sắm mới	-	-	375.000.000	142.560.000		517.560.000
Giảm do chuyển nhượng vốn	-	(192.674.088)	-	-		(192.674.088)
Ngày 31 tháng 3 năm 2016	346.722.218.574	2.011.870.624	12.136.600.000	277.411.488		361.148.100.686
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	566.302.520	256.120.112	1.500.000.000	134.851.488		2.457.274.120
Giá trị hao mòn						
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	8.242.267.275	865.455.132	6.382.058.337	134.851.488		15.624.632.232
Khấu hao trong kỳ	635.358.283	493.175.953	73.491.583	3.275.940		1.205.301.759
Giảm do chuyển nhượng vốn	-	(74.812.656)	-	-		(74.812.656)
Ngày 31 tháng 3 năm 2016	8.877.625.558	1.283.818.429	6.455.549.920	138.127.428		16.755.121.335
Giá trị còn lại						
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	338.479.951.299	1.339.089.580	5.379.541.663	-		345.198.582.542
Ngày 31 tháng 3 năm 2016	337.844.593.016	728.052.195	5.681.050.080	139.284.060		344.392.979.351

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà xưởng máy móc</i>	Cộng
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.787.344.868	11.462.289.307	13.249.634.175
Thanh lý	<u>(1.787.344.868)</u>	<u>(6.946.985.295)</u>	<u>(8.734.330.163)</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2016	<u>-</u>	<u>4.515.304.012</u>	<u>4.515.304.012</u>
Giá trị hao mòn			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.502.864.910	7.503.802.718	9.006.667.628
Khấu hao trong kỳ	15.070.025	67.383.703	82.453.728
Thanh lý	<u>(1.517.934.935)</u>	<u>(5.205.246.596)</u>	<u>(6.723.181.531)</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2016	<u>-</u>	<u>2.365.939.825</u>	<u>2.365.939.825</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>284.479.958</u>	<u>3.958.486.589</u>	<u>4.242.966.547</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2016	<u>-</u>	<u>2.149.364.187</u>	<u>2.149.364.187</u>

14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dự án nhà máy Củ Chi	11.103.862.672	11.103.862.672
Khác	<u>4.287.309.906</u>	<u>5.270.937.953</u>
TỔNG CỘNG	<u>15.391.172.578</u>	<u>16.374.800.625</u>

15 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.1)	388.125.537.722	375.821.716.116
Đầu tư khác vào công cụ vốn (Thuyết minh số 15.2)	<u>15.271.764.387</u>	<u>15.503.470.115</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>403.397.302.109</u>	<u>391.325.186.231</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</u>	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)
Công ty Cổ phần Bibica	42	374.481.093.879	42	375.821.716.116
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	20	9.798.390.307	-	-
Công ty TNHH Liên Thái Bình	20	3.846.053.536	-	-
TỔNG CỘNG		<u>388.125.537.722</u>		<u>375.821.716.116</u>

Công ty Cổ phần Bibica (mã chứng khoán BBC) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103010755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở tại số 443 Đường Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13-10/2015/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 10 năm 2015, Công ty đã thông qua việc ký kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình và Công ty TNHH Liên Thái Bình cho Nihon Housing Company Limited (Nhật Bản). Vào ngày 9 tháng 3 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 80% phần góp vốn tại Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình và Công ty TNHH Liên Thái Bình. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại mỗi công ty trên giảm xuống còn 20%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, các công ty trên trở thành công ty liên kết của Công ty.

Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình trước đây là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309493985 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 11 năm 2009. Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH một thành viên thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên theo GCNĐKDN thay đổi lần thứ 4 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 03 năm 2016. Công ty có trụ sở chính tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên Thái Bình trước đây là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0100230134 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 12 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH một thành viên thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên theo GCNĐKDN thay đổi lần thứ 3 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 3 năm 2016. Công ty có trụ sở chính tại tầng 3, số 1C Đường Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2016 được trình bày như sau:

	Công ty Cổ Phần Bibica	Công ty TNHH Xuyên Thái Bình	Công ty TNHH Liên Thái Bình	Tổng cộng
Giá trị đầu tư:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	347.290.535.376	-	-	347.290.535.376
Tăng do chuyển nhượng vốn		9.389.390.307	3.730.430.335	13.119.820.642
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	347.290.535.376	9.389.390.307	3.730.430.335	360.410.356.018
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	28.531.180.740	-	-	28.531.180.740
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết Cổ tức được chia trong kỳ	6.478.097.763 (7.818.720.000)	409.000.000	115.623.201	7.002.720.964 (7.818.720.000)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	27.190.558.503	409.000.000	115.623.201	27.715.181.704
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	375.821.716.116	-	-	375.821.716.116
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	374.481.093.879	9.798.390.307	3.846.053.536	388.125.537.722

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	VNĐ			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị đầu tư</i>	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị đầu tư</i>
Công ty Cổ phần Giống Thái Bình (*)	99.938	13.333.640.000	99.938	13.333.640.000
Chứng chỉ quỹ mở SSI-SCA		2.000.000.000		2.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam		-	-	169.830.115
TỔNG CỘNG		<u>15.333.640.000</u>		<u>15.503.470.115</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(61.875.613)		-
GIÁ TRỊ THUẦN		<u>15.271.764.387</u>		<u>15.503.470.115</u>

16 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VNĐ
	<i>Lợi thế thương mại</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	545.489.497.409
Giảm do chuyển nhượng vốn	(13.008.319.600)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	<u>532.481.177.809</u>
Phân bổ lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	73.860.016.882
Phân bổ trong kỳ	13.340.940.946
Giảm do chuyển nhượng vốn	(13.008.319.600)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	<u>74.192.638.228</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	471.629.480.527
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	<u>458.288.539.581</u>

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Vay ngắn hạn		
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	391.962.236.324	479.804.313.603
Vay dài hạn đến hạn trả	1.491.054.750	1.491.054.750
	<u>393.453.291.074</u>	<u>481.295.368.353</u>
Vay dài hạn		
Vay dài hạn từ ngân hàng	67.431.900.200	57.888.237.200
TỔNG CỘNG	<u>460.885.191.274</u>	<u>539.183.605.553</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

18 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả cho các đối tượng khác	112.699.433.047	133.269.987.704
Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	10.159.402.865	937.525.934
TỔNG CỘNG	<u>122.858.835.912</u>	<u>134.207.513.638</u>

19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.497.623.550	10.811.057.764
Thuế giá trị gia tăng	598.304.504	4.146.361.908
Thuế thu nhập cá nhân	1.785.960.379	2.167.993.126
Thuế khác	555.884.980	266.387.120
TỔNG CỘNG	<u>31.437.773.413</u>	<u>17.391.799.918</u>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phí dịch vụ	6.751.202.754	1.727.869.344
Chi phí lãi vay	183.642.759	574.143.858
Chiết khấu thương mại, hoa hồng bán hàng	4.259.313.733	834.417.886
Khác	7.329.102.728	3.779.556.460
TỔNG CỘNG	<u>18.523.261.974</u>	<u>6.915.987.548</u>

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ	21.718.475.000	9.140.000.000
Bảo hiểm xã hội, y tế và kinh phí công đoàn	1.292.108.645	6.005.111.061
Phải trả tiền bồi thường đất	2.847.000.000	2.847.000.000
Chi phí phải trả - Các dự án	4.129.161.095	2.748.814.790
Cổ tức phải trả tại công ty con	977.693.500	1.617.039.210
Khác	22.982.750.383	16.731.121.190
	<u>53.947.188.623</u>	<u>39.089.086.251</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ	2.104.541.095	2.392.090.395
TỔNG CỘNG	<u>56.051.729.718</u>	<u>41.481.176.646</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên khác</i>	55.664.277.918	41.282.913.846
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	387.451.800	198.262.800

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VNĐ
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015					
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	616.437.480.000	477.636.068.236	14.380.125.701	106.515.665.505	1.214.969.339.442
- Tăng vốn trong kỳ	215.000.000.000	537.500.000.000	-	-	752.500.000.000
- Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(3.772.968.500)	-	-	(3.772.968.500)
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	34.180.850.842	34.180.850.842
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.061.569.399)	(3.061.569.399)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	980.530.096	(980.530.096)	-
- Trích kinh phí hoạt động và thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(151.879.875)	(151.879.875)
- Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-
- Ảnh hưởng của phần đầu tư thêm vào công ty con trong kỳ	-	-	-	(6.099.415.577)	(6.099.415.577)
- Giảm khác	-	-	-	(674.978.954)	(674.978.954)
Ngày 31 tháng 3 năm 2015	831.437.480.000	1.011.363.099.736	15.360.655.797	129.728.142.446	1.987.889.377.979
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.008.724.970.000	1.021.203.143.351	47.708.067.259	36.789.665.713	2.114.425.846.323
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	116.251.336.248	116.251.336.248
- Tăng/(giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	100.486.714	(17.345.034.416)	(17.244.547.702)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(82.182.449)	(82.182.449)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.231.638.814	(998.672.595)	232.966.219
- Trích kinh phí hoạt động và thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(262.500.000)	(262.500.000)
- Sử dụng các quỹ	-	-	(931.864.875)	-	(931.864.875)
- Giảm khác	-	-	(2.260.901.082)	(420.425.267)	(2.681.326.349)
Ngày 31 tháng 3 năm 2016	1.008.724.970.000	1.021.203.143.351	45.847.426.830	133.932.187.234	2.209.707.727.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	1.008.724.970.000	616.437.480.000
Tăng trong kỳ	-	215.000.000.000
TỔNG CỘNG	1.008.724.970.000	831.437.480.000
Cổ tức bằng tiền		
Cổ tức trả bằng tiền	-	-
Cổ tức đã công bố và chưa chi trả	-	-

22.3 Cổ phiếu

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị (VNĐ)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị (VNĐ)</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	100.872.497	1.008.724.970.000	100.872.497	1.008.724.970.000
Cổ phiếu đã phát hành				
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
- Cổ phiếu phổ thông	100.872.497	1.008.724.970.000	100.872.497	1.008.724.970.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
- Cổ phiếu phổ thông	100.872.497	1.008.724.970.000	100.872.497	1.008.724.970.000

22.4 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Lãi sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VNĐ)	<u>116.251.336.248</u>	<u>34.180.850.842</u>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	100.872.497	61.643.748
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	<u>16.483.333</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	100.872.497	78.127.081
Lãi trên cổ phiếu trước điều chỉnh (VNĐ)	<u>1.152</u>	<u>438</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
Tổng doanh thu	656.591.548.977	399.986.293.104
Trong đó		
Doanh thu bán thành phẩm	583.195.016.816	310.280.472.421
Doanh thu cung cấp dịch vụ	73.396.532.161	89.705.820.683
Các khoản giảm trừ doanh thu	(26.541.371.427)	(18.780.550.365)
Chiết khấu thương mại	(7.769.708.016)	-
Giảm giá hàng bán	(43.126.000)	-
Hàng bán bị trả lại	(18.728.537.411)	(18.780.550.365)
Doanh thu thuần	<u>630.050.177.550</u>	<u>381.205.742.739</u>

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
Lãi từ giao dịch chuyển nhượng vốn	120.489.925.287	-
Thu nhập từ cổ tức	67.655.000	744.674.000
Lãi từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.620.810.727	1.926.576.575
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.062.332.971	6.971.640.677
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	189.231.883	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.221.172.161	1.982.938.281
Lãi hoạt động đầu tư tài chính	-	81.344.036
Khác	-	1.801.533.510
TỔNG CỘNG	<u>130.651.128.029</u>	<u>13.508.707.079</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015
Lỗ đầu tư chứng khoán	376.247.509	3.128.235.320
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.240.717.264	1.312.638.196
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.771.098	-
Chi phí hoạt động đầu tư tài chính, môi giới	15.274.788.835	77.996.595
Chi phí lãi vay	5.317.012.805	985.868.424
Lãi trả chậm, chiết khấu, chi phí khác	715.406.814	797.342.216
Trích lập giảm giá các khoản đầu tư	7.166.583.868	3.300.515.663
Khác	142.624.925	-
TỔNG CỘNG	<u>30.249.153.118</u>	<u>9.602.596.414</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

25. CHI PHÍ VÀ THU NHẬP KHÁC

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Thu từ thanh lý tài sản, bán phế liệu	12.203.602.773	502.894.219
Thu từ cho thuê	-	880.000.000
Thu nhập khác	1.175.583.667	159.273.241
Chi phí khác	<u>(7.036.307.759)</u>	<u>(93.309.569)</u>
THU NHẬP THUẦN KHÁC	<u>6.342.878.681</u>	<u>1.448.857.891</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế ngoại trừ một số trường hợp ưu đãi thuế sau đây.

- ▶ Tại PAN Food: ABT được miễn thuế TNDN ba (3) năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế là 2004.
- ▶ Tại NSC: Vào ngày 1 tháng 3 năm 2011, NSC nhận được Giấy chứng nhận số 03/ĐK-DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp, chấp thuận NSC là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"). Theo các quy định về Doanh nghiệp KH&CN, và các quy định về ưu đãi, miễn giảm thuế TNDN hiện hành thì NSC được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:
 - (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN; và
 - (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(29.226.197.435)	5.107.722.599
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	45.188.752	-
TỔNG CỘNG	<u>(29.181.008.683)</u>	<u>5.107.722.599</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông	Hợp đồng đầu tư hợp tác Lãi từ hoạt động đầu tư	867.930.000.000 3.573.920.819 9.952.602.865	222.266.000.000 1.926.576.575 1.920.000.000	
		Phí tư vấn và phát hành chứng khoán Cung cấp dịch vụ vệ sinh và cho thuê văn phòng	57.168.852 125.659.545 1.908.215.000	301.640.891 122.760.140 52.009.411	
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	Cổ đông	Phí quản lý tài khoản, lưu ký Bán hàng hóa	200.000.000	150.500.000.000 54.300.000	
Công ty TNHH Tael Two Partners	Cổ đông	Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	-	158.173.750.000	
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đông	Nhận tiền vốn góp Cung cấp dịch vụ vệ sinh Phí thuê văn phòng	- 313.435.260	35.000.000.000 45.300.000 461.553.990	
Công ty TNHH NDH Việt Nam	Cổ đông	Nhận tiền vốn góp	-	17.500.000.000	
GIC Private Limited	Cổ đông	Nhận tiền vốn góp	-	45.926.650.000	
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Phí thuê nhà Cung cấp dịch vụ vệ sinh	163.800.000 -	163.800.000 11.550.000	
Công ty cổ phần Bibica	Công ty liên kết	Cổ tức Mua hàng hóa	7.818.720.000 164.793.455	- -	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tập đoàn cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường được áp dụng chung cho mọi khách hàng. Tập đoàn mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Vào ngày lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016, Tập đoàn chưa trích lập một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông	Thu từ bán cổ phiếu Cho thuê văn phòng và phí dịch vụ	47.592.384.427 20.879.387	47.592.384.427 54.645.370
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty liên kết	Thu từ bán hàng Cho thuê văn phòng và phí dịch vụ	2.752.729.000 232.722.341	- -
Công ty TNHH Liên Thái Bình	Công ty liên kết	Thu từ bán hàng	6.600.000	-
Công ty Cổ phần Bibica	Công ty liên kết	Thu từ bán hàng	-	205.171.982
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	Cổ đông	Thu từ bán hàng	35.694.200	-
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn NDH	Bên liên quan	Thu từ bán hàng	21.336.400	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời	Cổ đông	Thu từ bán hàng	1.663.800	-
		Phí dịch vụ	-	73.928.800
			50.664.009.555	47.926.130.579

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn NDH	Bên liên quan	Phí dịch vụ	541.035.000	506.550.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông	Phí dịch vụ và đặt cọc	109.916.877	100.000.000
			650.951.877	606.550.000
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đông	Đặt cọc thuê văn phòng	304.700.560	304.700.560
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Đặt cọc thuê văn phòng	79.200.000	79.200.000
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty liên kết	Cổ tức	11.000.000.000	-
Công ty TNHH Liên Thái Bình	Công ty liên kết	Cổ tức	2.000.000.000	-
			13.383.900.560	383.900.560
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông	Phí dịch vụ	10.159.402.865	-
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	Cổ đông	Phí dịch vụ	-	937.525.934
			10.159.402.865	937.525.934
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT	Thu lao	120.000.000	120.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty liên kết	Đặt cọc thuê văn phòng	189.189.000	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông	Đặt cọc thuê văn phòng	78.262.800	78.262.800
			387.451.800	198.262.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được Tập đoàn chỉ trả trong kỳ:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015</i>
Tiền lương, tiền thù lao, thu nhập khác	3.628.767.915	3.346.495.778
Tiền thưởng	1.339.587.545	1.036.654.556
Cộng	3.628.767.915	4.383.150.334

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dưới 1 năm	4.222.795.334	7.165.936.998
Từ 1 đến 5 năm	3.233.208.033	5.806.717.397
Trên 5 năm	7.875.690.789	8.039.131.579
TỔNG CỘNG	15.331.694.156	21.011.785.974

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm dịch vụ và thương mại do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm dịch vụ hàng hóa do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ thị trường khác nhau.

29.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Thủy sản	Nông nghiệp	Dịch vụ và khác	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu					VNĐ
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	100.426.353.893	295.977.497.585	233.646.326.072		630.050.177.550
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận			288.179.160	(288.179.160)	-
Tổng doanh thu					
Kết quả					
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	12.102.110.967	44.308.131.440	105.788.067.121		162.198.309.528
Chi phí thuế TNDN của bộ phận tạm tính	(1.266.465.183)	(2.938.262.868)	(24.976.280.632)		(29.181.008.683)
Lợi nhuận thuần sau thuế tạm tính	10.835.645.784	41.369.868.572	80.811.786.489		133.017.300.845
Tài sản và công nợ					
Tài sản của bộ phận	410.279.647.507	1.532.137.485.410	3.299.313.654.066	(1.636.486.169.737)	3.605.244.617.246
Tài sản không phân bổ					4.160.192.089
Tổng tài sản	410.279.647.507	1.532.137.485.410	3.299.313.654.066	(1.636.486.169.737)	3.609.404.809.335
Nợ phải trả bộ phận	175.460.463.738	489.959.906.280	141.894.841.913	20.137.153.359	827.452.365.290
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả					-
Tổng công nợ	175.460.463.738	489.959.906.280	141.894.841.913	20.137.153.359	827.452.365.290
Thông tin khác					
Chỉ phí hình thành TSCĐ					
Tài sản cố định hữu hình	1.301.323.636	425.128.800	45.000.000		1.771.452.436
Tài sản cố định vô hình		375.000.000	142.560.000		517.560.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

29 THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

29.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận, tài sản và công nợ, chi phí hình thành một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau (tiếp theo):

Vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015	Thủy sản		Nông nghiệp		Dịch vụ và khác	Loại trừ	Tổng cộng
	Thủy sản	Nông nghiệp	Nông nghiệp	Thủy sản			
Doanh thu							VNĐ
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	111.878.804.719	180.165.818.770		89.161.119.250	-		381.205.742.739
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-	3.250.721.482	(3.250.721.482)		-
Tổng doanh thu	111.878.804.719	180.165.818.770		92.411.840.732	(3.250.721.482)		381.205.742.739
Kết quả							
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	23.536.223.841	31.361.402.274		4.786.084.715	-		59.683.710.830
Chi phí thuế TNDN của bộ phận	(2.587.082.000)	(1.261.421.262)		(1.259.219.337)	-		(5.107.722.599)
Lợi nhuận thuần sau thuế	20.949.141.841	30.099.981.012		3.526.865.378	-		54.575.988.231
Tài sản và công nợ							
Tài sản của bộ phận	585.184.754.046	1.023.631.008.446		1.389.131.610.949	-		2.997.947.373.441
Tài sản không phân bổ	-	-		-	-		2.196.944.791
Tổng tài sản	585.184.754.046	1.023.631.008.446		1.389.131.610.949	-		3.000.144.318.232
Nợ phải trả bộ phận							
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	172.669.660.631	242.824.120.468		66.664.541.226	-		482.158.322.325
Tổng công nợ	172.669.660.631	242.824.120.468		66.664.541.226	-		23.245.723.942
Thông tin khác							
Chi phí hình thành TSCĐ							
Tài sản cố định hữu hình	431.588.091	-		609.919.326	-		1.041.507.417
Tài sản cố định vô hình	-	-		-	-		-

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

29 THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

29.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	<u>Doanh thu xuất khẩu</u>	<u>Doanh thu trong nước</u>	<u>Loại trừ</u>	<u>Tổng cộng</u>	VNĐ
Vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016					
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	260.772.647.294	369.277.530.256		630.050.177.550	
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận		288.179.160	(288.179.160)	-	
Tổng doanh thu				630.050.177.550	
Các thông tin bộ phận khác					
Tài sản bộ phận	564.554.284.544	3.040.690.332.702		3.605.244.617.246	
Tài sản không phân bổ				4.160.192.089	
Tổng tài sản				3.609.404.809.335	
Chi phí hình thành tài sản cố định					
Tài sản cố định hữu hình	1.346.323.636	425.128.800		1.771.452.436	
Tài sản cố định vô hình	142.560.000	375.000.000		517.560.000	
Vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015					
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	111.878.804.719	269.326.938.020	-	381.205.742.739	
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	3.250.721.482	(3.250.721.482)	-	
Tổng doanh thu	111.878.804.719	272.577.659.502	(3.250.721.482)	381.205.742.739	
Các thông tin bộ phận khác					
Tài sản bộ phận	585.184.754.046	2.412.762.619.395	-	2.997.947.373.441	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	2.196.944.791	
Tổng tài sản	585.184.754.046	2.412.762.619.395	-	3.000.144.318.232	
Chi phí hình thành tài sản cố định					
Tài sản cố định hữu hình	431.588.091	609.919.326	-	1.041.507.417	
Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn cũng nắm giữ các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Tập đoàn không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Tập đoàn có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng:

- độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tập đoàn. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Tập đoàn tại ngày lập báo cáo là không đáng kể do các khoản vay đều là khoản vay ngắn hạn với lãi suất cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

30 MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn (khí doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Tập đoàn).

Tập đoàn có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Tập đoàn như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Các công cụ tài chính khác

Ban Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu khách hàng sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 3 năm 2016.

	Tổng cộng	Không quá hạn và không bị suy giảm	VNĐ		
			Quá hạn nhưng không bị suy giảm	Dưới 6 tháng	6 tháng đến dưới 1 năm
Ngày 31 tháng 3 năm 2016	1.173.612.894.391	1.173.612.894.391			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	273.478.800.998	273.478.800.998			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

30 MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	VNĐ		
	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Trên 1 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 31 tháng 3 năm 2016			
Các khoản vay	393.453.291.074	67.431.900.200	460.885.191.274
Phải trả người bán ngắn hạn	122.858.835.912	-	122.858.835.912
Khoản phải trả ngắn hạn khác và chi phí phải trả ngắn hạn	72.470.450.597		72.470.450.597
TỔNG CỘNG	588.782.577.583	67.431.900.200	656.214.477.783
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Các khoản vay	221.604.631.678		221.604.631.678
Phải trả người bán ngắn hạn	105.038.706.578		105.038.706.578
Khoản phải trả ngắn hạn khác và chi phí phải trả ngắn hạn	31.478.569.808		31.478.569.808
TỔNG CỘNG	358.121.908.064		358.121.908.064

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

31 TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Dự phòng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Dự phòng
	Giá trị	Giá trị	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	69.647.541.839	(9.711.660.664)	6.961.453.629	(3.294.639.456)
Cổ phiếu niêm yết	67.380.491.839	(8.670.589.968)	3.944.840.969	(1.504.006.100)
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.267.050.000	(1.041.070.696)	3.016.612.660	(1.790.633.356)
Tiền gửi ngắn hạn	-	-	900.888.924	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	282.958.073.192	(9.296.797.052)	434.290.019.241	(9.555.443.876)
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan	50.664.009.555	-	47.720.958.597	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	61.609.407.033	(551.777.603)	68.226.050.628	(551.777.603)
Tiền và các khoản tương đương tiền	841.799.945.244	-	729.091.664.588	-
TỔNG CỘNG	1.306.678.976.863	(19.560.235.319)	1.287.191.035.607	(13.401.860.935)
			1.287.118.741.544	1.273.789.265.052

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	460.885.191.274	221.604.631.678	460.885.191.274	221.604.631.678
Phải trả người bán	122.858.835.912	105.038.706.578	122.858.835.912	105.038.706.578
Phải trả khác	72.470.450.597	31.478.569.808	72.470.450.597	31.478.569.808
TỔNG CỘNG	656.214.477.783	358.121.908.064	656.214.477.783	358.121.908.064

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2016 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

31 TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:


- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

32 GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUÝ 1/2016 SO VỚI QUÝ 1/2015


Theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về công bố thông tin định kỳ và giải trình số liệu của tổ chức niêm yết, Tập đoàn giải trình biến động kết quả kinh doanh như sau:

Doanh thu thuần Quý 1/2016 là 630 tỷ (tăng 284,8 tỷ so số 381,2 tỷ cùng kỳ năm 2015). Sự tăng trưởng vượt mức doanh thu so cùng kỳ năm trước là do Quý 1 năm trước chưa có ảnh hưởng từ hợp nhất công ty con là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (hợp nhất từ Quý 2 năm 2015) và Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An (hợp nhất từ Quý 3 năm 2015).


Lợi nhuận trước thuế Quý 1/2016 là 162,2 tỷ (tăng 102,5 tỷ so số 59,7 tỷ của Quý 1/2015). Sự tăng trưởng vượt bậc so với lợi nhuận trước thuế cùng kỳ năm trước chủ yếu là do Quý 1 năm trước chưa có sự đóng góp thêm từ lợi nhuận hợp nhất của các công ty mua thêm năm 2015 nêu trên; do thu nhập tài chính từ giao dịch chuyển nhượng 80% phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình và Công ty TNHH Liên Thái Bình và do hiệu quả hoạt động tốt hơn của các công ty con trong Tập đoàn.




Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu



Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng





Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc Tài chính

Ngày 19 tháng 4 năm 2016

